

Số: /QĐ-UBND

An Giang, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt nội dung lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 206/2025/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 227/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về kỳ họp thứ 9 Quốc hội;

Căn cứ Thông báo số 228-TB/VPTW ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kiên Giang và Thường trực Tỉnh ủy An Giang;

Căn cứ Thông báo số 312-TB/VPTW ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết luận của đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ tại cuộc làm việc cho ý kiến vào dự thảo văn kiện

và phương án nhân sự cấp ủy trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh An Giang nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 66.2/2025/NQ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về việc điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong thời gian chưa ban hành Luật Quy hoạch (sửa đổi);

Căn cứ Nghị quyết số 306/NQ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Thông báo số 228-TB/VPTW ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kiên Giang và Thường trực Tỉnh ủy An Giang;

Căn cứ Thông báo số 312-TB/VPTW ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết luận của đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ tại cuộc làm việc cho ý kiến vào dự thảo văn kiện và phương án nhân sự cấp ủy trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh An Giang nhiệm

kỳ 2025-2030;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh An Giang lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Căn cứ Công văn số 15581/BTC-QLQH ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính về việc đẩy nhanh tiến độ điều chỉnh các quy hoạch thời kỳ 2021-2030 đã được quyết định hoặc phê duyệt;

Căn cứ Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Kiên Giang (trước sáp nhập) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Kế hoạch số 114/KH-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang thực hiện điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 3019/STC-THQH ngày 22 tháng 10 năm 2025 về việc hoàn thiện dự thảo Quyết định phê duyệt nội dung lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể như sau:

1. Tên nội dung: Lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (điều chỉnh Quy hoạch tỉnh).

2. Mục tiêu

Lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm tổ chức hợp lý không gian phát triển của tỉnh An Giang trong bối cảnh mới, có sự thay đổi về quy mô dân số, địa giới hành chính; phát huy tối đa lợi thế của tỉnh An Giang (sau sáp nhập), góp phần thúc đẩy mục tiêu đến năm 2030, An Giang là tỉnh phát triển khá của cả nước; là trung tâm kinh tế biển mạnh của quốc gia; Đặc khu Phú Quốc đạt tầm cỡ quốc tế; Rạch Giá là trung tâm chính trị - hành chính, thương mại - dịch vụ, tổng hợp và chuyên ngành; vùng tứ giác Long Xuyên - Châu Đốc - Rạch Giá - Hà Tiên là động lực phát triển công nghiệp, logistics và du lịch văn hóa, sinh thái, trung tâm nghiên cứu phát triển giống và sản xuất nông nghiệp, thủy sản, dược liệu ứng dụng công nghệ cao; phát triển kinh tế biên mậu, đầu mối giao thương, hợp tác với Vương quốc Cam-pu-chia; có hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển đồng bộ, thích ứng với biến đổi khí hậu; chuyển đổi số trong hệ thống giáo dục, y tế thuộc nhóm đầu cả nước; các giá trị văn hóa truyền thống được bảo tồn và phát huy; quốc phòng, an ninh được giữ vững; đối ngoại chủ động, rộng mở; trật tự an toàn xã hội ổn định; an sinh xã hội được bảo đảm, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao.

3. Nội dung lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh

- Điều chỉnh về phạm vi, ranh giới Quy hoạch tỉnh theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành

chính cấp tỉnh và Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang năm 2025.

- Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh; phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội; hiện trạng sử dụng đất; hiện trạng hệ thống đô thị, nông thôn; hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; hiện trạng môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên và đa dạng sinh học.

- Xây dựng các kịch bản phát triển và lựa chọn kịch bản phát triển tỉnh An Giang.
- Xác định quan điểm và mục tiêu phát triển.
- Xác định các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển trong kỳ quy hoạch.
- Điều chỉnh phương án tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội.
- Điều chỉnh phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh.
- Điều chỉnh phương án phát triển hệ thống đô thị, nông thôn; định hướng phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD).

- Điều chỉnh phương án phát triển các khu chức năng; phương hướng phát triển cụm công nghiệp, các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; phương hướng phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn, những khu vực có vai trò động lực.

- Điều chỉnh phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật, bao gồm mạng lưới giao thông, mạng lưới cấp điện, cơ sở hạ tầng viễn thông, công trình thủy lợi, hệ thống cấp nước, thoát nước, khu xử lý chất thải, nghĩa trang, hạ tầng phòng cháy, chữa cháy và hạ tầng kỹ thuật khác.

- Điều chỉnh phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội bao gồm: các dự án hạ tầng xã hội cấp quốc gia, cấp vùng, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; các hạ tầng thương mại, hạ tầng y tế, hạ tầng giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, hạ tầng các thiết chế văn hóa, thể thao, du lịch, hạ tầng các cơ sở trợ giúp xã hội và hạ tầng xã hội khác của tỉnh.

- Điều chỉnh định hướng sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.
- Điều chỉnh phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh.

- Điều chỉnh phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh, bao gồm phương án phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Điều chỉnh phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

- Điều chỉnh phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Danh mục dự kiến các dự án ưu tiên đầu tư của tỉnh.
- Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.
- Xây dựng báo cáo quy hoạch gồm báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt.
- Điều chỉnh, cập nhật hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

4. Sản phẩm, tiến độ lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh

a) Sản phẩm: Hồ sơ lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về Quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Nguồn kinh phí: Ngân sách nhà nước.

c) Tiến độ lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh:

- Hoàn thành việc trình thẩm định, phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trong năm 2025.

- Hoàn thành việc công bố, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu, nghiệm thu trong quý I năm 2026.

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh theo các nội dung cần thiết điều chỉnh trong quyết định này; đảm bảo tiến độ, chất lượng và tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực TU;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VP.UBND tỉnh: LĐVP, các phòng nghiên cứu thuộc Văn phòng, TTCBTH;
- Lưu: VT, ttuan “HT”.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hồ Văn Mừng

Phụ lục
NỘI DUNG LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH AN GIANG
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025. Theo đó, tỉnh An Giang được thành lập trên cơ sở sáp nhập tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang, với tổng diện tích tự nhiên 9.888,91 km² và quy mô dân số hơn 4,95 triệu người. Tỉnh An Giang sau sáp nhập cũng thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025; đồng thời bắt đầu vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp (cấp tỉnh và cấp xã) theo tinh thần Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025.

Việc sáp nhập hai tỉnh không chỉ là một dấu mốc lịch sử quan trọng trong tiến trình cải cách hành chính của quốc gia, mà còn kéo theo những thay đổi sâu sắc về địa lý hành chính, tên địa danh, quy mô dân số, định hướng phát triển, tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội (thay đổi không gian phát triển, cấu trúc vùng, các trục kết nối hạ tầng, cũng như các hành lang, cực tăng trưởng kinh tế - xã hội), phương án sử dụng và phân bổ đất đai.

Với sự khác biệt về đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội và trình độ phát triển giữa hai tỉnh, trong bối cảnh thiếu kết nối hạ tầng liên vùng đã đặt ra yêu cầu cấp bách về việc lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Việc điều chỉnh không chỉ nhằm đảm bảo sự thống nhất về mặt pháp lý theo Điều 54a Luật Quy hoạch năm 2017 được bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024, mà còn là cơ sở cần thiết để phát huy lợi thế tổng hợp của tỉnh mới, nhất là phát huy tối đa lợi thế kinh tế biển đảo và vị trí cửa ngõ giao thương quốc tế; đồng thời bảo đảm phân bổ hợp lý các nguồn lực, phát triển hài hòa giữa các vùng lãnh thổ nội địa và vùng ven biển, tạo các cực tăng trưởng và vùng động lực kinh tế sau khi sáp nhập.

Bên cạnh đó, trong quá trình triển khai thực hiện các Quy hoạch tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2023 và Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023, một số nội dung đã có sự bất cập, không còn phù hợp với thực tiễn trong bối cảnh mới. Cùng với đó, hệ thống quy hoạch cấp quốc gia cũng đang có nhiều điều chỉnh lớn như: Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia tại Nghị quyết số 306/NQ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ; Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam theo Quyết định số 442/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2024; Quy hoạch phát triển Điện lực quốc gia (Điện VIII) theo Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2025 với trọng tâm là phát triển năng lượng tái tạo và điện khí LNG; Nghị

quyết số 52/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Những thay đổi này đặt ra yêu cầu tất yếu cần điều chỉnh Quy hoạch tỉnh nhằm bảo đảm tính phù hợp, thống nhất, đồng bộ và kế thừa quy hoạch cấp trên (quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng); xác định vị thế, vai trò của tỉnh đối với vùng, quốc gia; điều chỉnh mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh sau sáp nhập.

Ngoài ra, từ cuối năm 2024 đến nay, Đảng và Nhà nước cũng đã ban hành nhiều nghị quyết quan trọng giúp định hình xu hướng phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, bao gồm: Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng; Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân. Các định hướng này yêu cầu Quy hoạch tỉnh không chỉ là công cụ kỹ thuật mà còn phải thể hiện vai trò “dẫn dắt” trong tổ chức thực hiện chính sách phát triển phù hợp với xu thế thời đại.

Bối cảnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long cũng đang có những biến chuyển mạnh mẽ. Tỉnh An Giang định hướng sẽ trở thành cực tăng trưởng mới của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long. Tuy nhiên, An Giang cũng là tỉnh đầu nguồn sông Mekong nên chịu nhiều tác động tiêu cực từ biến đổi khí hậu như hạn hán, lũ lụt, xâm nhập mặn và sạt lở đất, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, hạ tầng kinh tế - xã hội và đời sống của người dân trên địa bàn. Trong bối cảnh đó, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh cần định hướng phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đồng thời, tỉnh An Giang cần xác định lại vai trò, chức năng và mối quan hệ liên kết vùng để phát huy lợi thế cạnh tranh, từ đó thúc đẩy các lĩnh vực then chốt như với các trụ cột kinh tế mới như logistics, kinh tế biển, du lịch, năng lượng và nông nghiệp công nghệ cao, gắn với bảo vệ môi trường theo hướng tích hợp và bền vững.

Từ những lý do trên cho thấy việc lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 là yêu cầu cấp thiết và có ý nghĩa chiến lược quan trọng nhằm:

- Phù hợp với phạm vi, quy mô, tính chất không gian hành chính - đô thị mới của tỉnh đã được hình thành sau sắp xếp đơn vị hành chính.

- Bảo đảm tính thống nhất và đồng bộ trong hệ thống quy hoạch quốc gia: Việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh giúp kết nối chặt chẽ với Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long và các quy hoạch ngành

quan trọng như: nông nghiệp công nghệ cao, du lịch sinh thái,... Qua đó, tạo nền tảng pháp lý vững chắc để huy động vốn đầu tư, thu hút các dự án chiến lược và triển khai hiệu quả các chính sách phát triển bền vững.

- Cụ thể hóa quan điểm phát triển trong kỷ nguyên mới của Đảng và Nhà nước. Khẳng định định hướng chuyển dịch mô hình tăng trưởng sang đổi mới sáng tạo, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; xem khoa học - công nghệ và chuyển đổi số là động lực chủ yếu. Đặc biệt là bốn Nghị quyết đột phá đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới.

- Đạt được mục tiêu tăng trưởng hai con số, tận dụng lợi thế quy mô sau sáp nhập để hình thành các cực tăng trưởng mới, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

- Giải quyết thách thức về hạ tầng kết nối và môi trường. Quy mô dân số, công nghiệp và logistics tăng nhanh tạo áp lực lên hạ tầng giao thông, cấp - thoát nước, xử lý chất thải, nhà ở công nhân, dịch vụ y tế - giáo dục,... Việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh giúp bố trí hợp lý hạ tầng kỹ thuật, xác lập hành lang bảo vệ môi trường, xây dựng đô thị thích ứng khí hậu.

- Cơ cấu lại nền kinh tế và phát triển các khu chức năng. Phát huy đổi đa lợi thế của tỉnh An Giang, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tăng tính khả thi và tính dự báo của quy hoạch: Việc điều chỉnh cho phép cập nhật kịp thời các chỉ tiêu về dân số, hạ tầng, đô thị hóa, sử dụng đất và cơ cấu kinh tế, phù hợp với tốc độ tăng trưởng mới của tỉnh sau sáp nhập. Điều này giúp quy hoạch sẽ là công cụ để tỉnh chỉ đạo, điều hành, dẫn dắt quá trình phân bổ nguồn lực và tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội.

- Phát triển An Giang thành cực tăng trưởng mới của Đồng bằng sông Cửu Long: Việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang (sau sáp nhập) sẽ xác định rõ các vùng động lực, hành lang kinh tế, trung tâm logistics, du lịch, công nghiệp công nghệ cao,... giúp An Giang trở thành tỉnh có cửa ngõ kinh tế - thương mại quan trọng kết nối nội vùng và quốc tế, góp phần thúc đẩy phát triển cân bằng giữa khu vực ven biển và nội địa.

Như vậy, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 không chỉ là yêu cầu, đòi hỏi khách quan mà còn là nhiệm vụ cấp thiết cần triển khai thực hiện nhằm bảo đảm việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh được phê duyệt đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn. Đồng thời, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước để phát triển tỉnh An Giang trong giai đoạn tiếp theo.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Cơ sở chính trị

- Kết luận của Bộ Chính trị tại Công văn số 15902-CV/VPTW ngày 06 tháng 7 năm 2025 của Văn phòng Trung ương Đảng về việc điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII (2021), Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2021-2030;

- Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao;

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022, Hội nghị lần thứ năm của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới;

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới;

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân;

- Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

- Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe

Nhân dân;

- Thông báo số 228-TB/VPTW ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kiên Giang và Thường trực Tỉnh ủy An Giang;

- Thông báo số 312-TB/VPTW ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết luận của đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ tại cuộc làm việc cho ý kiến vào dự thảo văn kiện và phương án nhân sự cấp ủy trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh An Giang nhiệm kỳ 2025-2030;

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh An Giang lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

2. Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;
- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
- Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;
- Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;
- Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính năm 2025;
- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;
- Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang năm 2025;
- Nghị quyết số 206/2025/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật;
- Nghị quyết số 227/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về Nghị quyết Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa 15;
- Nghị quyết số 66.2/2025/NQ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Chính

phủ quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về việc điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong thời gian chưa ban hành Luật Quy hoạch (sửa đổi);

- Nghị quyết số 306/NQ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

- Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

- Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ;

- Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Công văn số 15581/BTC-QLQH ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính về việc đẩy nhanh tiến độ điều chỉnh các quy hoạch thời kỳ 2021-2030 đã được quyết định hoặc phê duyệt;

- Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Kiên Giang (trước sáp nhập) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Kế hoạch số 114/KH-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang thực hiện điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp và phát huy tối đa hiệu quả việc tổ chức lại đơn vị hành chính cấp tỉnh theo Nghị quyết số 60-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương và Nghị

quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội. Quy hoạch tỉnh xác lập mới không gian phát triển, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh An Giang (sau sáp nhập); hướng tới mục tiêu tăng trưởng hai con số, phát triển nhanh, bền vững, xanh và bao trùm, góp phần đạt được mục tiêu đến năm 2030, An Giang là tỉnh phát triển khá của cả nước; là trung tâm kinh tế biển mạnh của quốc gia; Đặc khu Phú Quốc đạt tầm cỡ quốc tế; Rạch Giá là trung tâm chính trị - hành chính, thương mại - dịch vụ, tổng hợp và chuyên ngành; vùng tứ giác Long Xuyên - Châu Đốc - Rạch Giá - Hà Tiên là động lực phát triển công nghiệp, logistics và du lịch văn hóa, sinh thái, trung tâm nghiên cứu phát triển giống và sản xuất nông nghiệp, thủy sản, dược liệu ứng dụng công nghệ cao; phát triển kinh tế biên mậu, đầu mối giao thương, hợp tác với Vương quốc Cam-pu-chia; có hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển đồng bộ, thích ứng với biến đổi khí hậu; chuyển đổi số trong hệ thống giáo dục, y tế thuộc nhóm đầu cả nước; các giá trị văn hóa truyền thống được bảo tồn và phát huy; quốc phòng, an ninh được giữ vững; đối ngoại chủ động, rộng mở; trật tự an toàn xã hội ổn định; an sinh xã hội được bảo đảm, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao. Đây cũng là công cụ quan trọng để cụ thể hóa các chủ trương, định hướng của Đảng và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2021-2030; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh An Giang lần thứ I nhiệm kỳ 2025-2030; Báo cáo chính trị số 57-BC/TU ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tỉnh ủy An Giang.

2. Mục tiêu cụ thể

- Điều chỉnh quy hoạch tỉnh An Giang là công cụ quản lý của nhà nước trong việc điều hành phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, nhằm huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả, hợp lý các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo hướng tăng trưởng xanh, nhanh và bền vững.

- Xác định phạm vi, ranh giới và không gian phát triển tỉnh sau khi thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, bảo đảm thống nhất với tổ chức lãnh thổ quốc gia.

- Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh để cụ thể hóa Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch vùng ở cấp tỉnh về không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, hệ thống đô thị và phân bố dân cư nông thôn, kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Đánh giá tiềm năng, thế mạnh, các yếu tố động lực của tỉnh An Giang trên cơ sở không gian mới để đề xuất giải pháp phát triển phù hợp và hiệu quả.

- Làm rõ vai trò, chức năng của tỉnh trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long, trong tổng thể quốc gia, gắn với mục tiêu phát triển nhanh, xanh, bao trùm, tăng trưởng hai con số.

- Xác định, điều chỉnh, bổ sung quan điểm, mục tiêu phát triển, các chỉ tiêu phát triển, nhiệm vụ và giải pháp để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Xác định, điều chỉnh và đề xuất phương hướng, giải pháp phát triển các

ngành quan trọng của tỉnh; phương án phát triển, phân bổ nguồn lực trên địa bàn; phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng, khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng được hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu Quy hoạch tỉnh An Giang, đáp ứng yêu cầu quản lý chung nhằm phát triển của tỉnh, các địa phương trong vùng và quốc gia.

- Đảm bảo đồng bộ, thống nhất với Quy hoạch tổng thể quốc gia, các Quy hoạch ngành quốc gia và Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

IV. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI

1. Đối tượng: Là toàn bộ không gian mới sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, với 9.888,91 km² và quy mô dân số khoảng 4,95 triệu người¹.

2. Phạm vi

- Phạm vi nghiên cứu lập điều chỉnh quy hoạch bao gồm: Toàn bộ phạm vi lập quy hoạch và những vấn đề của vùng đồng bằng sông Cửu Long, cả nước và quốc tế có ảnh hưởng trực tiếp hoặc ảnh hưởng lớn đến tỉnh An Giang; những nội dung liên tỉnh, liên vùng như kết nối nội bộ vùng đồng bằng sông Cửu Long, liên vùng và với cả nước.

- Phạm vi không gian: Toàn bộ phần lãnh thổ đất liền tỉnh An Giang và không gian biển được xác định theo Luật Biển Việt Nam năm 2012, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

- Phạm vi thời gian: Thời kỳ quy hoạch 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của Luật Quy hoạch và định hướng của Quy hoạch tổng thể quốc gia.

V. YÊU CẦU LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH

- Bảo đảm tuân thủ quy định của Luật Quy hoạch, các quy định của pháp luật có liên quan và Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

- Phù hợp với phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh: Nội dung điều chỉnh quy hoạch phải bảo đảm phù hợp với phạm vi, ranh giới hành chính mới của tỉnh An Giang theo Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12 tháng 4 năm 2025 của Trung ương về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang năm 2025;

- Bảo đảm tính kế thừa, cập nhật và điều chỉnh có chọn lọc: Kế thừa các nội dung còn phù hợp của Quy hoạch tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-

¹ Theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội.

2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2023; Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023; Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Kiên Giang (trước sáp nhập) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Gắn kết chặt chẽ với các Chiến lược phát triển quốc gia, Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch ngành quốc gia và Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long;

- Bảo đảm tính liên kết, thống nhất và đồng bộ với các quy hoạch khác: Nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh phải bảo đảm thống nhất, không chồng chéo, mâu thuẫn với Quy hoạch tổng thể quốc gia, các Quy hoạch ngành quốc gia, Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long; bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường và bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh;

- Phản ánh đầy đủ các xu thế phát triển mới và yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng: Nhiệm vụ điều chỉnh cần xác định rõ các động lực mới của tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu; đồng thời thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bao trùm và bền vững;

- Bảo đảm tính khả thi, có luận chứng khoa học, thực tiễn rõ ràng: Các nội dung đề xuất trong nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh cần có cơ sở lý luận và thực tiễn, bảo đảm khả năng tổ chức thực hiện trong thực tế, đặc biệt là về tổ chức không gian, thu hút đầu tư và phát triển hạ tầng then chốt;

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện điều chỉnh Quy hoạch tỉnh; thống nhất quản lý nhà nước về quy hoạch, đồng thời phân cấp, phân quyền hợp lý giữa các cấp chính quyền.

VI. NỘI DUNG LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH

1. Yêu cầu về dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển trong điều chỉnh Quy hoạch tỉnh

Dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển của tỉnh An Giang trong thời kỳ quy hoạch cần phải đáp ứng những yêu cầu chính sau đây:

- Phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội; các định hướng phát triển được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng về phát triển nhanh và bền vững, đảm bảo quốc phòng, an ninh, bảo vệ và khai thác các nguồn tài nguyên.

- Đảm bảo khoa học từ việc thu thập, xử lý số liệu, sử dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp đối với từng nội dung dự báo của các ngành/lĩnh vực.

- Xây dựng kịch bản phát triển phù hợp với xu hướng phát triển của quốc gia và vùng, đồng thời phải gắn với các định hướng lớn, đột phá của Đảng và Nhà nước như các Nghị quyết đột phá của Bộ Chính trị, việc mở rộng không gian phát triển sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp hướng đến mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số giai đoạn 2026-2030.

2. Nội dung chính của lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh

(1) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh; phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội; hiện trạng sử dụng đất; hiện trạng hệ thống đô thị, nông thôn; hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; hiện trạng môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên và đa dạng sinh học

a) Phân tích, đánh giá vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, xã hội, tài nguyên thiên nhiên và môi trường;

b) Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, thực trạng phát triển các ngành;

c) Phân tích, đánh giá thực trạng sử dụng đất;

d) Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn;

đ) Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển các khu chức năng, thực trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội;

e) Phân tích, đánh giá thực trạng sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu;

g) Xác định vị thế, vai trò của tỉnh đối với vùng đồng bằng sông Cửu Long, quốc gia;

h) Phân tích, dự báo các yếu tố, điều kiện của vùng, quốc gia, quốc tế tác động đến phát triển tỉnh; các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

(2) Xây dựng các kịch bản phát triển và lựa chọn kịch bản phát triển tỉnh An Giang

a) Xây dựng các kịch bản phát triển;

b) Phân tích ưu điểm, hạn chế, tính khả thi của từng kịch bản phát triển;

c) Lựa chọn kịch bản phát triển tối ưu.

(3) Xác định quan điểm và mục tiêu phát triển

a) Quan điểm về phát triển tỉnh;

b) Quan điểm về tổ chức không gian phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường;

c) Xây dựng mục tiêu tổng quát, tầm nhìn và mục tiêu cụ thể.

(4) Xác định các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển trong kỳ quy hoạch

(5) Điều chỉnh phương án tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội

a) Xác định các khu vực động lực ưu tiên phát triển;

b) Xác định các khu vực hạn chế phát triển;

c) Xác định các khu vực lãnh thổ cần bảo tồn.

(6) Điều chỉnh phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh

- a) Định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực
- b) Phân bố không gian các ngành, lĩnh vực.

(7) Điều chỉnh phương án phát triển hệ thống đô thị, nông thôn; định hướng phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD)

- a) Điều chỉnh phương án phát triển đô thị;
- b) Điều chỉnh phương án phát triển nông thôn;
- c) Định hướng phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD).

(8) Điều chỉnh phương án phát triển các khu chức năng; phương hướng phát triển cụm công nghiệp, các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; phương hướng phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn, những khu vực có vai trò động lực.

(9) Điều chỉnh phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật

a) Điều chỉnh phương án phát triển mạng lưới giao thông, bao gồm: mạng lưới đường cao tốc, quốc lộ; các tuyến đường thủy nội địa và đường hàng hải; các cảng biển; sân bay; mạng lưới đường bộ, đường thủy liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn và phương án phát triển mạng lưới đường của tỉnh.

b) Điều chỉnh phương án phát triển mạng lưới cấp điện, bao gồm phương án phát triển điện lực đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn và phương án phát triển nguồn, lưới điện của tỉnh;

c) Điều chỉnh phương án phát triển mạng lưới viễn thông và hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, bao gồm: các tuyến viễn thông quốc tế, quốc gia, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia và công trình viễn thông của tỉnh. Trong đó, tập trung bảo đảm hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông, hạ tầng số, mạng kết nối vạn vật (IoT) liên thông, đồng bộ, hiện đại, an ninh, an toàn thông tin truyền thông phục vụ Hội nghị cấp cao APEC.

d) Điều chỉnh phương án phát triển công trình thủy lợi, hệ thống cấp nước, thoát nước, bao gồm: công trình thủy lợi, hệ thống cấp, thoát nước đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn và công trình thủy lợi liên xã, hệ thống cấp nước, thoát nước liên xã;

đ) Điều chỉnh phương án phát triển các khu xử lý chất thải, nghĩa trang, bao gồm: các khu xử lý chất thải, chất thải nguy hại, khu nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên

địa bàn và xác khu xử lý chất thải, khu nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng liên xã.

e) Điều chỉnh phương án phát triển hạ tầng phòng cháy, chữa cháy, bao gồm: hạ tầng phòng cháy, chữa cháy đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn và hạ tầng phòng cháy, chữa cháy của tỉnh.

g) Phương án phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, bao gồm: hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn và hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá của tỉnh.

h) Điều chỉnh phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật khác

(10) Điều chỉnh phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội

Điều chỉnh phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội bao gồm: các dự án hạ tầng xã hội cấp quốc gia, cấp vùng, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; các hạ tầng thương mại, hạ tầng y tế, hạ tầng giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, hạ tầng các thiết chế văn hóa, thể thao, du lịch, hạ tầng các cơ sở trợ giúp xã hội và hạ tầng xã hội khác của tỉnh.

(11) Điều chỉnh định hướng sử dụng đất trên địa bàn tỉnh

a) Điều chỉnh định hướng sử dụng đất theo không gian và chức năng sử dụng đất theo chỉ tiêu sử dụng đất do điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia phân bổ đảm bảo nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, phù hợp với tiềm năng đất đai của địa phương; phát huy hiệu quả nguồn lực đất đai để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; đáp ứng yêu cầu phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, bảo đảm kết nối không gian phát triển liên ngành, liên vùng, các hành lang kinh tế và các vùng động lực phát triển; quỹ đất đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục, y tế, xã hội, văn hóa, thể dục, thể thao và nhà ở xã hội;

b) Sơ đồ, bản đồ phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất.

(12) Điều chỉnh phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh

a) Phương án về phân vùng môi trường theo vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác đã được định hướng trong quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia;

b) Xác định mục tiêu, chỉ tiêu bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh; xác định các khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, hành lang đa dạng sinh học, khu bảo tồn thiên nhiên, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh;

c) Phương án về điểm, thông số, tần suất quan trắc chất lượng môi trường đất, nước, không khí quốc gia, liên tỉnh và tỉnh đã được định hướng trong quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia;

d) Phương án quản lý về địa chất, khoáng sản.

(13) Điều chỉnh phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh, bao gồm phương án phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.

(14) Điều chỉnh phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra:

a) Phân vùng chức năng của nguồn nước; xác định tỷ lệ, thứ tự ưu tiên phân bổ trong trường hợp bình thường và hạn hán, thiếu nước; xác định nguồn nước dự phòng để cấp nước sinh hoạt; xác định hệ thống giám sát tài nguyên nước và khai thác, sử dụng nước; xác định công trình điều tiết, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước;

b) Xác định các giải pháp bảo vệ nguồn nước, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm hoặc bị suy thoái, cạn kiệt để bảo đảm chức năng của nguồn nước; xác định hệ thống giám sát chất lượng nước, giám sát xả nước thải vào nguồn nước;

c) Đánh giá tổng quát hiệu quả và tác động của biện pháp phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra hiện có; xác định các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động phòng, chống, khắc phục, cảnh báo, dự báo và giảm thiểu tác hại do nước gây ra.

(15) Điều chỉnh phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh

a) Phân vùng rủi ro đối với từng loại hình thiên tai trên địa bàn;

b) Xây dựng phương án phòng chống lũ của các tuyến sông có đê, bờ bao;

c) Xây dựng phương án phát triển hệ thống đê điều, bờ bao và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh;

d) Xây dựng phương án quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh

(16) Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Danh mục dự kiến các dự án ưu tiên đầu tư của tỉnh

a) Điều chỉnh, bổ sung tiêu chí xác định danh mục dự kiến các dự án ưu tiên của tỉnh trong kỳ quy hoạch;

b) Điều chỉnh, bổ sung luận chứng xây dựng danh mục dự kiến các dự án ưu tiên đầu tư của tỉnh trong kỳ quy hoạch; đề xuất thứ tự ưu tiên và phân kỳ thực hiện các dự án.

(17) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch

a) Giải pháp về huy động vốn đầu tư;

b) Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực;

c) Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ;

- d) Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển;
- đ) Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn;
- e) Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch;
- g) Dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch.

(18) Xây dựng Báo cáo quy hoạch gồm Báo cáo tổng hợp và Báo cáo tóm tắt.

(19) Điều chỉnh, cập nhật hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu.

VII. HỒ SƠ LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH

Hồ sơ sản phẩm lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 bao gồm:

1. Quyết định phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

2. Báo cáo thuyết minh tổng hợp điều chỉnh Quy hoạch tỉnh: Bảo đảm hình thức, bố cục phù hợp và trình bày đầy đủ các nội dung theo quy định hiện hành của pháp luật về quy hoạch.

3. Báo cáo tóm tắt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh: Trình bày ngắn gọn, rõ ràng, đủ thông tin, thể hiện được các nội dung quan trọng của Báo cáo tổng hợp điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.

4. Hệ thống sơ đồ, bản đồ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh: Các sơ đồ, bản đồ bảo đảm tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành về bố cục trình bày, ký hiệu, tỷ lệ...; đảm bảo theo quy định tại hiện hành của pháp luật về quy hoạch; bao gồm:

- Sơ đồ thành lập ở tỷ lệ 1:250.000-1:1.000.000: Sơ đồ vị trí và các mối quan hệ của tỉnh.

- Sơ đồ, bản đồ thành lập ở tỷ lệ 1:100.000:

- + Các bản đồ về hiện trạng phát triển;

- + Sơ đồ đánh giá tổng hợp đất đai theo các mục đích sử dụng;

- + Sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn;

- + Sơ đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng;

- + Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội;

- + Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật;

- + Sơ đồ phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất;

- + Sơ đồ, bản đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên;

- + Sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu;

- + Các sơ đồ, bản đồ chuyên đề.

5. Hệ thống cơ sở dữ liệu: Thể hiện nội dung của điều chỉnh quy hoạch trên bản đồ GIS để tích hợp vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch.

6. Số lượng hồ sơ sản phẩm lập điều chỉnh: Sau khi hoàn thiện hồ sơ Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đơn vị tư vấn nộp Chủ đầu tư sản phẩm cuối cùng, gồm hồ sơ in và file mềm với số lượng cụ thể như sau:

STT	Sản phẩm	Số lượng	Ghi chú
1	Quyết định phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	10 bộ và file số	01 USB lưu toàn bộ file số của hồ sơ sản phẩm
2	Báo cáo thuyết minh tổng hợp Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh	10 bộ và file số	
3	Báo cáo tóm tắt Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh	10 bộ và file số	
4	Hệ thống sơ đồ, bản đồ Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh	03 bộ và file số	
5	Hệ thống cơ sở dữ liệu	File số	
6	Các tài liệu có liên quan	File số	